

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục thuốc cổ truyền được gia hạn
giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 16**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược;

Căn cứ Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-BYT ngày 27/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Bộ Y tế - Đợt 16;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Dược cổ truyền - Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các thuốc cổ truyền được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 16. Các thuốc cổ truyền tại Danh mục này được giữ nguyên thông tin số đăng ký đã cấp, cụ thể:

1. Danh mục 17 thuốc cổ truyền được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam (tại Phụ lục I kèm theo) có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Danh mục 21 thuốc cổ truyền được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam (tại Phụ lục II kèm theo) có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc cổ truyền kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại Điều 31, 32, 33, 34, 35 và 36 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc cổ truyền theo quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quản lý về chất lượng thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu.

4. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng theo quy định của Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính (bao gồm cả mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu và Thông tư số 54/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều về gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu tại Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu.

7. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

8. Cơ sở sản xuất phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c Đỗ Xuân Tuyên – TTr BHYT (để b/c);
- Đ/c Trịnh Thị Diệu Thường – PCT.PT Cục Quản lý YDCT (để b/c);
- PGS.TS.Nguyễn Đăng Hòa – Chủ tịch HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT – Bộ Y tế (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Xây dựng;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Vụ Bảo hiểm Y tế; Cục QLD, Cục QLKCB; Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty cổ phần;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Website của Cục Quản lý YDCT;
- Lưu: VT, QLD (4b).

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Trần Minh Ngọc

PHỤ LỤC I

**DANH MỤC 17 THUỐC CÔNG TRUYỀN ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM – ĐỢT 16**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-YDCT ngày/...../.....)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ

(Đ/c: Số 93 Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 93 Linh Lang, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ

(Đ/c: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ, Lô M1, đường N3, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Lô M1, đường N3, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
1	Trường Thọ Quy tỳ hoàn	Mỗi viên hoàn mềm chứa: Bột hỗn hợp dược liệu 4,08 g (tương đương với: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 400 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 800 mg; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) chế 800 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) chích mật 200 mg (tương đương với Cam thảo 240 mg); Phục linh (<i>Poria</i>) 800 mg; Viền chí (<i>Radix Polygalae</i>) chế 80 mg; Táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>) 800 mg; Long nhãn (<i>Arillus Longan</i>) 800 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 800 mg; Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 400 mg; Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>) (bỏ hạt) 200 mg (tương đương với Đại táo 230 mg).	Viên hoàn mềm	30 tháng	TCCS	Hộp 10 hoàn x 9 gam.	VD-29889-18	01

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm OPC

(Đ/c: 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: 1017 Hồng Bàng, phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh)

2.1. Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

(Đ/c: Số 09/ĐX04-TH, tổ 7, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Nay là: Số 09/ĐX04-TH, tổ 7, khu phố Tân Hóa,

phường Tân Khánh, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
2	Quy tỳ dưỡng tâm OPC	Mỗi viên hoàn cứng chứa: Cao đặc dược liệu 102 mg (tương đương với: Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 64 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 64 mg; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 6,4 mg; Toan táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>) 64 mg; Long nhãn (<i>Arillus Longan</i>) 64 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 6,4 mg; Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>) 16 mg); Bột dược liệu 112 mg (tương đương với: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 32 mg; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 64 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 16 mg); Bột mịn Mộc hương 32 mg (tương đương với Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 32 mg).	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 240 viên. Hộp 48 gói x 10 viên.	VD-30461-18	01

3. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

3.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
3	Kim Long	Mỗi viên hoàn cứng chứa: Địa hoàng (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 0,6 g; Mộc tặc (<i>Herba Equiseti debilis</i>) 0,6 g; Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>) 0,6 g; Ké đầu ngựa (<i>Fructus Xanthii strumarii</i>) 0,6 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,56 g; Cỏ nhọ nồi (<i>Herba Ecliptae</i>) 0,56 g.	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 4 g.	VD-30994-18	01

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh

(Đ/c: D19/37K Hương lộ 80, ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: D19/37K Hương lộ 80, ấp 4, xã Tân Vĩnh Lộc, thành phố Hồ Chí Minh)

4.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh

(Đ/c: D19/37K Hương lộ 80, ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: D19/37K Hương lộ 80, ấp 4, xã Tân Vĩnh Lộc, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
4	Cử tử bổ thận	Mỗi viên nang chứa thành phần dược chất: Cao dược liệu tương đương với 230 mg cao khô chiết xuất từ (Thỏ ty tử (<i>Semen Cuscutae</i>) 400 mg; Phúc bồn tử (<i>Fructus Rubi</i>) 400 mg; Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>) 400 mg; Cử thai tử (<i>Semen Allii Tuberosi</i>) 240 mg; Phá cố tử (<i>Fructus Psoraleae corylifoliae</i>) 80 mg; Xà sàng tử (<i>Fructus Cnidii</i>) 80 mg; Kim anh tử (<i>Fructus Rosae laevigatae</i>) 80 mg; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae</i>) 80 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 400 mg; Dâm dương hoắc (<i>Herba Epimedii</i>) 400 mg; Nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng</i>) 10 mg; Bột dược liệu (Thạch liên tử (<i>Semen Nelumbinis nuciferae</i>) 240 mg; Hải mã (<i>Hippocampus</i>) 10 mg; Lộc nhung (<i>Cornu Cervi pantotrichum</i>) 10 mg; Quế nhục (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 3 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 40 viên nang. Hộp 2 túi x 5 vỉ x 10 viên nang.	VD-30940-18	01

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà

(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

5.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà

(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
5	Đại bổ khí huyết	Mỗi viên nang cứng chứa cao khô hỗn hợp dược liệu tương đương với: Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 500 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Chuanxiong</i>) 500 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae alba</i>) 500 mg; Đảng sâm (<i>Radix</i>	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 05 vỉ, 10 vỉ Al/PVC x 10 viên Hộp 05 vỉ Al/Al x 10 viên	VD-32245-19	01

		<i>Codonopsis</i>) 500 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 500 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 500 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 250 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae praeparata</i>) 500 mg.				Hộp 01 lọ x 60 viên, 100 viên.		
6	Viên sáng mắt Khải Hà	Mỗi viên nén bao phim chứa cao khô hỗn hợp được liệu 275 mg tương đương với: Thục địa (<i>Radix Rehmanniae praeparata</i>) 500 mg; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 250 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Moutan</i>) 187,5 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 187,5 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 250 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 187,5 mg; Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>) 187,5 mg; Cúc hoa vàng (<i>Flos Chrysanthemi indicis</i>) 187,5 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 187,5 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae alba</i>) 187,5 mg; Bạch tật tê (<i>Fructus Tribuli terrestris</i>) 187,5 mg; Thạch quyết minh (<i>Concha Haliotidis</i>) 250 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 01 túi metalight x 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 01 lọ x 60 viên, 100 viên.	VD-32246-19	01

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex

(Đ/c: Số 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội)

6.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex

(Đ/c: Số 356 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 356 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
7	Berankis	Mỗi viên nén bao đường chứa: Lục phân (<i>Melanteritum</i>) 2,7 mg; Hải mã (<i>Hippocampus</i>) 80,4 mg; Nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng</i>) 53,6 mg; Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 53,6 mg; Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>) 107,2 mg (tương đương 10,7 mg cao); Hồ đào nhân (<i>Semen Juglandis</i>) 80,4 mg.	Viên nén bao đường	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ x 15 viên (vỉ PVC/nhôm). Hộp 1 lọ x 60 viên, 100 viên (lọ HDPE).	VD-29274-18	01

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
(Đ/c: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
Nay là: Số 160, phố Tôn Đức Thắng, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội)

7.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
(Đ/c: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Nay là:
Thôn Thạch Lỗi, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
8	Chè dây trung ương I	Mỗi viên nang cứng chứa cao khô Chè dây 350 mg (tương đương với Chè dây (<i>Extractum Ampelopsis siccus</i>) 4375 mg).	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 09 vỉ x 10 viên	VD-32904-19	01

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3
(Đ/c: Số 16 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Nay là: Số 16 Lê Đại Hành, phường An Dương, thành phố Hải Phòng)

8.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3
(Đ/c: Số 28, đường 351, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Nay là: Số 28, đường 351, phường An Dương, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
9	Lục vị TW3	Mỗi viên nang cứng chứa: Bột hỗn hợp dược liệu 400 mg (tương đương: Bạch linh (<i>Poria</i>) 120 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 120 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 110 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 50 mg); Cao đặc hỗn hợp dược liệu 370 mg (tương đương: Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 50 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 70 mg; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 160 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 320 mg).	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên.	VD-33177-19	01
10	Thập toàn đại bổ TW3	Mỗi viên nang cứng chứa: Bột hỗn hợp dược liệu 450 mg (tương đương: Nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng</i>) 10 mg; Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 30 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 80 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 110 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae</i>	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên.	VD-33180-19	01

		<i>lactiflorae</i>) 110 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 110 mg); Cao đặc hỗn hợp dược liệu 150 mg (tương đương: Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 30 mg; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 110 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 110 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 160 mg).						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam

(Đ/c: Số 34, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: Số 34, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình)

9.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam

(Đ/c: KCN Châu Sơn, đường Lê Chân, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: KCN Châu Sơn, đường Lê Chân, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
11	Khung Phong Hoàn	Mỗi 5 g hoàn cứng thành phẩm chứa: Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 0,3 g; Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>) 0,45 g; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 0,3 g; Ngưu tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 0,3 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 0,3 g; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 0,5 g; Tang ký sinh (<i>Herba Loranthe gracilifolii</i>) 0,3 g; Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>) 0,1 g; Tần giao (<i>Radix Gentianae</i>) 0,3 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,3 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 0,3 g; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 0,3 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,2 g; Bạch linh (<i>Poria</i>) 0,3 g; Quế (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 0,2 g.	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 5 g.	VD-31657-19	01
12	Cao ích mẫu	Mỗi 15 ml thành phẩm chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 1,875 g tương đương: Ích mẫu (<i>Herba Leonuri japonici</i>) 12 g; Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) (chế) 3,75 g; Ngải cứu (<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>) 3 g.	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 125 ml, 150 ml, 200 ml + cốc đong.	VD-31654-19	01

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm VCP

(Đ/c: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Nay là: Thôn Thạch Lỗi, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội)

10.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm VCP

(Đ/c: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Nay là: Thôn Thạch Lỗi, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
13	Đan Sâm Tam Thất VCP	Mỗi viên hoàn giọt chứa: Cao khô rễ Đan sâm 2,18 mg (tương đương với rễ Đan sâm (<i>Radix et Rhizoma Salviae miltiorrhizae</i>) 43,56 mg); Cao khô rễ Tam thất (<i>Radix et Rhizoma Notoginseng</i>) 0,95 mg (tương đương với rễ Tam thất 8,52 mg); Borneol 1 mg.	Viên hoàn giọt	36 tháng	TCCS	Hộp 02 lọ x 150 viên Hộp 10 gói, 15 gói x 30 viên.	VD-32930-19	01

11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Xanh (GRP)

(Đ/c: 695, Lê Hồng Phong, phường 10, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: 695 Lê Hồng Phong, phường Vườn Lài, thành phố Hồ Chí Minh)

11.1. Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại tỉnh Bình Dương (SAGOPHA)

(Đ/c: Số 27 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Nay là: Số 27 VSIP, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
14	Giải độc mát gan	Mỗi viên nang cứng chứa 300 mg cao hỗn hợp dược liệu quy về khô và 150 mg bột dược liệu tương ứng với: Sài đất (<i>Herba Wedeliae</i>) 500 mg; Kinh giới (<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>) 500 mg; Thương nhĩ tử (<i>Fructus Xanthii strumarii</i>) 500 mg; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 375 mg; Thỏ phục linh (<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>) 375 mg; Đại hoàng (<i>Rhizoma Rhei</i>) 375 mg; Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 150 mg; Liên kiều (<i>Fructus Forsythiae suspensae</i>) 125 mg; Hoàng liên (<i>Rhizoma Coptidis</i>) 125 mg; Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 100 mg;	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.	VD-33134-19	01

		Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 25 mg.						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

12. Công ty đăng ký: Shijiazhuang Yiling Pharmaceutical Co.,Ltd

(Đ/c: No. 238, Tianshan Avenue, Hi-tech development zone, Shijiazhuang city, Hebei province, China)

12.1. Nhà sản xuất: Shijiazhuang Yiling Pharmaceutical Co.,Ltd

(Đ/c: No. 238, Tianshan Avenue, Hi-tech development zone, Shijiazhuang city, Hebei province, China)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
15	CORNO RMLOC	Mỗi viên nang cứng chứa: Nhân sâm (<i>Radix et Rhizoma Ginseng</i>) 37,67 mg; Thủy điệt (<i>Hirudo</i>) 71,06 mg; Toàn yết (<i>Scorpio</i>) 47,09 mg, Xích thược (<i>Radix Paeoniae Rubra</i>) 32,53 mg; Thuyền thoái (<i>Periostracum Cicadae</i>) 47,09 mg; Thổ miết trùng (<i>Eupolyphagaseu Steleophaga</i>) 47,09 mg; Ngô công (<i>Scolopendra</i>) 9,42 mg; Đàn hương (<i>Lignum Santali Alba</i>) 16,27 mg; Giáng hương (<i>Lignum dalbergiae odoriferae</i>) 16,27 mg; Nhũ hương (<i>Olibanum (processed)</i>) 15,41 mg; Toan táo nhân (<i>Semen ziziphi spinosae</i>) 31,68 mg; Băng phiến (<i>Borneolum Syntheticum</i>) 9,42 mg.	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VN-9380-09	01

13. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

(Đ/c: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Nay là: Số 102, phố Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

13.1. Nhà sản xuất: Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

(Đ/c: Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Nay là: Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
16	Bổ trung ích khí Hà Minh	Mỗi 100 ml siro chứa: Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 10 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 3 g; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>)	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 100 ml, 120 ml.	VD-33706-19	01

		<i>pilosulae</i>) 3 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 3 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 2 g; Thăng ma (<i>Rhizoma Cimicifugae</i>) 3 g; Sài hồ (<i>Radix Bupleuri</i>) 3 g; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 3 g; Gừng tươi (<i>Rhizoma Zingiberis</i>) 1,2 g; Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>) 10,2 g.						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược quốc tế Tùng Lộc

(Đ/c: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn lâm, tỉnh Hưng Yên, Nay là: Thôn Ngọc Lịch, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên)

14.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược quốc tế Tùng Lộc

(Đ/c: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn lâm, tỉnh Hưng Yên, Nay là: Thôn Ngọc Lịch, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
17	Cảm sốt AT	Mỗi 100 ml cao lỏng chứa cao hỗn hợp dược liệu tương đương với: Khương hoạt (<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>) 18 g; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 18 g; Thương truật (<i>Rhizoma Atractylodis</i>) 18 g; Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>) 6 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 12 g; Bạch chi (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 12 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 12 g; Hoàng cầm (<i>Radix Scutellariae</i>) 12 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 12 g.	Cao lỏng	24 tháng	TCCS	Hộp 01 lọ x 100 ml.	VD-33850-19	01

PHỤ LỤC II

**DANH MỤC 21 THUỐC CỔ TRUYỀN ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM – ĐỢT 16**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-YDCT ngày/...../.....)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược ATM

(Đ/c: VP 26, tầng 26 tòa elip, 110 Trần Phú, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Nay là: VP 26, tầng 26 tòa elip, 110 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh

(Đ/c: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên, xã Cẩm Vinh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, Nay là: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên, xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
1	Thanh nhiệt tiêu độc ATM	Mỗi 5 ml thành phẩm chứa 1,25 ml dịch chiết tương đương với: Sài đất (<i>Herba Wedeliae</i>) 500 mg; Thương nhĩ tử (<i>Fructus Xanthii</i>) 500 mg; Kinh giới (<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>) 500 mg; Thỏ phục linh (<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>) 375 mg; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 375 mg; Đại hoàng (<i>Rhizoma Rhei</i>) 375 mg; Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 150 mg; Liên kiều (<i>Fructus Forsythiae suspensae</i>) 125 mg; Hoàng liên (<i>Rhizoma Coptidis</i>) 125 mg; Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 100 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 25 mg.	Siro thuốc	36 tháng	TCCS	Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống x 5 ml. Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống x 7,5 ml. Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống x 10 ml. Hộp 1 chai x 80 ml, 100 ml, 125 ml.	VD-29620-18	01

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái

(Đ/c: Số 725, đường Yên Ninh, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Nay là: Số 725 đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai)

2.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái

(Đ/c: Số 725, đường Yên Ninh, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Nay là: Số 725 đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
2	Bổ phế tiêu đờm	Mỗi 125 ml siro chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 9,6 g; Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 9,6 g; Bách hợp (<i>Bulbus Lilii</i>) 9,6 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 6,4 g; Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>) 6,4 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 6,4 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 6,4 g; Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>) 6,4 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 3,2 g; Tinh dầu Bạc hà (<i>Aetheroleum Menthae arvensis</i>) 0,046 g.	Siro thuốc	36 tháng	TCCS	Hộp 01 chai x 125 ml	VD-32038-19	01

3. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

3.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
3	Hội long	Mỗi viên hoàn mềm 5 g chứa: Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 0,6 g; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 0,6 g; Táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritanae</i>) 0,4 g; Lộc nhung (<i>Cornu Cervi pantotrichum</i>) 0,3 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,2 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,12 g; Phục thần (<i>Poria</i>) 0,12 g; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 1,2 g; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 0,6 g; Liên tu (<i>Stamen Nelumbinis</i>) 0,3 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 0,12 g.	Viên hoàn mềm	18 tháng	TCCS	Hộp 10 hộp nhựa x 1 viên	VD-30801-18	01

4	Bạch Long Thủy	Mỗi 90 ml dung dịch chứa: Xuyên bối mẫu (<i>Bulbus Fritillariae</i>) 7 g; Bách bộ (<i>Radix Stemona tuberosae</i>) 7 g; Thiên môn đông (<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>) 7 g; Liên phòng (<i>Receptaculum Nelumbinis</i>) 7 g; Cát cánh (<i>Radix Platycodi Grandiflori</i>) 7 g; Kinh giới (<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>) 7 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 7 g; Tang bạch bì (<i>Cortex Mori albae radices</i>) 7 g; Húng chanh (<i>Folium Plectranthi amboinici</i>) 7 g; Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 7 g; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 7 g; Sa sâm (<i>Radix Glehniae</i>) 7 g.	Cao lỏng	30 tháng	TCCS	Hộp 01 chai x 90 ml	VD-32354-19	01
---	----------------	---	----------	----------	------	---------------------	-------------	----

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh

(Đ/c: 21 Nguyễn Văn Cừ, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Nay là: Số 21 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh)

4.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh

(Đ/c: Lô C1-1 Khu công nghiệp Quế Võ, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Nay là: Lô C1-1 Khu công nghiệp Quế Võ, phường Phương Liễu, tỉnh Bắc Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
5	Thuốc bổ ngâm rượu	Mỗi thang 620 g chứa: Nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng</i>) 10 g; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 20 g; Bạch phục linh (<i>Poria</i>) 10 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 16 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 16 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 16 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 16 g; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 60 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 16 g; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 16 g; Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 8 g; Liên nhục (<i>Semen Nelumbinis nuciferae</i>) 18 g; Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>) 20 g; Cốt toái bổ (<i>Rhizoma Drynariae</i>) 30 g; Câu tích (<i>Rhizoma Cibotii</i>) 30 g; Thỏ phục linh (<i>Rhizoma Smilacis</i>)	Thuốc thang	12 tháng	TCCS	Thang 620g được đóng trong 02 lần túi PE, bên ngoài đóng túi PE cứng.	VD-30310-18	01

		<i>glabrae</i>) 30 g; Thiên niên kiện (<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>) 10 g; Ngũ gia bì chân chim (<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>) 30 g; Sơn tra (<i>Fructus Mali</i>) 20 g; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 10 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 10 g; Ba kích (<i>Radix Morindae officinalis</i>) 10 g; Thương truật (<i>Rhizoma Atractylodis</i>) 20 g; Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 10 g; Phá cô chỉ (<i>Fructus Psoraleae corylifoliae</i>) 10 g; Hà thủ ô đỏ (<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>) 30 g; Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>) 60 g; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 10 g; Ngưu tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 30 g; Tục đoạn (<i>Radix Dipsaci</i>) 28 g.					
--	--	---	--	--	--	--	--

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco

(Đ/c: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 160, phố Tôn Đức Thắng, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội)

5.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco

(Đ/c: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Nay là: Thôn Thạch Lỗi, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
6	Hoạt Huyết Thông Mạch Trung Ương 1	Mỗi viên nang cứng chứa cao khô hỗn hợp dược liệu 376 mg tương đương với: Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 400 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 400 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 500 mg; Ích mẫu (<i>Herba Leonuri japonici</i>) 200 mg; Ngưu tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 300 mg; Đan sâm (<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>) 200 mg.	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32543-19	01

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Traphaco

(Đ/c: Số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 75 phố Yên Ninh, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội)

6.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco (Traphaco-CNC)

(Đ/c: Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Nay là: Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
7	Thuốc hạ huyết áp Casoran Plus	Mỗi viên nén bao phim chứa: Cao Hoa hòe (3:1) (<i>Extractum Flos Styphnolobii japonici imaturi</i>) 160 mg; Cao rễ Dừa cạn (6:1) (<i>Extractum Radix Catharanthi rosei</i>) 20 mg; Cao Tâm sen (4:1) (<i>Extractum Embryo Nelumbinis nuciferae</i>) 15 mg; Cao Cúc hoa vàng (3:1) (<i>Extractum Flos Chrysanthemi indicis</i>) 10 mg; Cao Cỏ ngọt (4:1) (<i>Extractum Folium Steviae rebaudianae</i>) 9 mg.	Viên nén bao phim	48 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	VD-32702-19	01
8	Tralumi	Mỗi viên nang cứng chứa: Bột cao hỗn hợp dược liệu 250 mg (tương đương với: Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) (tương đương với Sinh địa 800 mg) 500 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 500 mg; Thăng ma (<i>Rhizoma Cimicifugae</i>) 250 mg); Bột cao Hoàng liên (<i>Extractum Rhizoma Coptidis</i>) (tương đương với Hoàng Liên 500 mg) 50 mg; Bột Đương quy (<i>Pulvis Radix Angelicae sinensis</i>) (tương đương với Đương quy 500 mg) 310 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ, 02 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-33259-19	01

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà
(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

7.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà
(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
9	Bổ gan	Mỗi viên nang cứng chứa: Cao khô Actiso (<i>Etractum Cynarae Siccus</i>) 100 mg (tương đương với 950 mg Actiso); Cao khô Rau đắng đất (<i>Etractum Glinus oppositifolius Siccus</i>) 75 mg (tương đương với 750 mg Rau đắng đất); Bột mịn Bìm bìm 75 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 05 vỉ x 10 viên.	VD-32243-19	01

8. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông dược Xuân Quang

(Đ/c: 53/2 quốc lộ 91, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Nay là: Số 53/2, QL 91, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang)

8.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông dược Xuân Quang

(Đ/c: 53/2 quốc lộ 91, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Nay là: Số 53/2, QL 91, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
10	EVAVIM (BỔ THẬN NỮ GIỚI XUÂN QUANG)	Mỗi viên nang cứng chứa cao đặc hỗn hợp dược liệu 462,5 mg tương đương với: Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 850 mg; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae chinensis</i>) 850 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 850 mg; Ngưu tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 850 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 850 mg; Bá tử nhân (<i>Semen Platycladi orientalis</i>) 800 mg; Cỏ bản (<i>Ligustici Rhizoma et Radix</i>) 800 mg; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 400 mg; Ngải cứu (<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>) 400 mg; Tục đoạn (<i>Radix Dipsaci</i>) 400 mg; Xà sàng tử (<i>Fructus Cnidii</i>) 400 mg; Thạch cao (<i>Gypsum fibrosum</i>) 200 mg; Thạch斛 (<i>Herba Dendrobii</i>) 200 mg; Vũ dư lương (<i>Rhizoma Dioscoreae</i>) 200 mg; Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 100 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephala</i>) 100 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 100 mg; Can khương (<i>Rhizoma Zingiberis</i>) 100 mg; Hậu phác (<i>Cortex Magnoliae officinalis</i>) 100 mg; Nhục thung dung (<i>Herba Cistanches</i>) 100 mg; Phòng phong (<i>Radix Saposchnikoviae divaricatae</i>) 100 mg; Quế nhục (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 100 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 100 mg; Tế tân (<i>Radix</i>	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên Hộp 01 lọ x 40 viên	V149 7-H12-10	01

		<i>et Rhizoma Asari</i>) 100 mg; Xuyên tiêu (<i>Fructus Zanthoxyli</i>) 100 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 100 mg.						
11	BAMIMI	Mỗi viên hoàn cứng 50 g chứa: Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 15 g, Liên kiều (<i>Fructus Forsythiae suspensae</i>) 15 g; Diệp hạ châu (<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>) 15 g; Bồ công anh (<i>Herba Lactucae indicae</i>) 11,12 g; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 11,12 g; Đại hoàng (<i>Rhizoma Rhei</i>) 7,5 g.	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 01 lọ x 50 g.	V149 7- H12- 10	01
12	Thanh tâm bá bổ Xuân Quang	Chai 125 ml chứa: Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) 11,25 g; Bạch truat (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 10,63 g; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 10,63 g; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 8,75 g; Sa sâm (<i>Radix Glehniae</i>) 8,75 g; Sa nhân (<i>Fructus Amomi</i>) 6,25 g; Phục linh (<i>Poria</i>) 5,5 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 5,5 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 5,5 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 5,5 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 5,5 g; Quế (Vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 2,5 g.	Cao lông	24 tháng	TCCS	Hộp 01 chai x 125 ml, 250 ml.	VD- 30064 -18	01

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

(Đ/c: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương,
Nay là: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thành phố Hồ Chí Minh)

9.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

(Đ/c: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương,
Nay là: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
13	BÌNH CAN	Mỗi viên nang cứng chứa: Cao khô hỗn hợp dược liệu 480 mg tương đương với Diệp hạ châu (<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>) 2 g; Nhân trần (<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>) 2 g; Bồ công anh (<i>Herba Lactucae indicae</i>) 1 g.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 05 vi x 10 viên.	VD- 32521 -19	01

14	Kim tiền thảo râu ngô	Mỗi viên nén bao phim chứa: Cao khô Kim tiền thảo (<i>Extractum Herba Desmodii styracifolii</i>) 50 mg (tương đương với Kim tiền thảo 750 mg); Cao khô Râu ngô (<i>Extractum Styli et Stigmata maydis</i>) 53 mg (tương đương với Râu ngô 960 mg).	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên. Chai 100 viên.	VD-30943-18	01
----	-----------------------	--	-------------------	----------	------	--	-------------	----

10. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược thảo Hoàng Thành

(Đ/c: Số 2B, tổ 37, khu tập thể Đối Ngoại, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 2B, tổ 37, khu tập thể Đối Ngoại, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội)

10.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược thảo Hoàng Thành

(Đ/c: Lô đất CN4, Cụm công nghiệp Quất Động mở rộng, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Nay là: Lô đất CN4, cụm công nghiệp Quất Động mở rộng, xã Thượng Phúc, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
15	Đại tràng Trường Phúc	Mỗi viên nén bao phim chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 700 mg (tương đương dược liệu: Hoàng liên (<i>Rhizoma Coptidis</i>) 1350 mg; Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 1200 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 900 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 900 mg; Ngũ bội tử (<i>Galla chinensis</i>) 900 mg; Hậu phác (<i>Cortex Magnoliae officinalis</i>) 600 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 450 mg; Xa tiền tử (<i>Semen Plantaginis</i>) 450 mg; Hoạt thạch (<i>Talcum</i>) 150 mg).	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên.	VD-32592-19	01

11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam

(Đ/c: Số 34, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: Số 34, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình)

11.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam

(Đ/c: Khu công nghiệp Châu Sơn, đường Lê Chân, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: Khu công nghiệp Châu Sơn, đường Lê Chân, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
16	Viên Kim tiền thảo trạch tả	Mỗi 5 g hoàn cứng chứa: Cao đặc Kim tiền thảo (<i>Extractum Herba Desmodii styracifolii spissum</i>) 0,3 g (tương đương với Kim tiền thảo 3 g); Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 3 g.	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 01 lọ x 50 g Hộp 10 gói x 5 g.	VD-31661-19	01
17	Thanh nhiệt tiêu độc Livergood	Mỗi viên nang cứng chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 315 mg tương đương: Nhân trần (<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>) 1000 mg; Actiso (<i>Folium Cynarae scolymi</i>) 670 mg; Bồ công anh (<i>Herba Lactucae indicae</i>) 670 mg; Cúc hoa (<i>Flos Chrysanthemi indicis</i>) 340 mg; Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 340 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 125 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 túi x 03 vi, 05 vi, 10 vi x 10 viên.	VD-28943-18	01
18	Cảm xuyên hương	Mỗi viên nang cứng chứa: Bột Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 132 mg; Bột Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 165 mg; Bột Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) 132 mg; Bột Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 6 mg; Bột Gừng (<i>Rhizoma Zingiberis</i>) 15 mg; Bột Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 5 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên nang cứng	VD-31653-19	01

12. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Nhất Nhất

(Đ/c: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Nay là: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

12.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm Nhất Nhất

(Đ/c: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Nay là: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
19	Thuốc xoang Nhất Nhất	Mỗi viên nén bao phim chứa cao khô hỗn hợp dược liệu 330 mg tương đương với: Thương nhĩ tử (<i>Fructus Xanthii strumaris</i>) 500 mg; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 620 mg; Phòng	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vi, 03 vi, 06 vi, 10 vi, 12 vi x 10 viên Hộp 01	VD-32379-19	01

		phong (<i>Radix Saposhnikovia divaricatae</i>) 250 mg; Tân di hoa(<i>Flos Magnoliae</i>) 350 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 350 mg; Bạc hà (<i>Herba Menthae</i>) 120 mg; Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 250 mg; Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 320 mg.				lọ x 30 viên, 60 viên, 100 viên.		
--	--	--	--	--	--	----------------------------------	--	--

13. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh

(Đ/c: 272C, khu 3, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Nay là: Số 272 C, khu 3, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

13.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh

(Đ/c: 272C, khu 3, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Nay là: Số 272 C, khu 3, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
20	An thần bổ tâm	Gói 15 g chứa: Táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>) 0,9 g; Ngũ vị tử 0,9 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae Sinensis</i>) 0,9 g; Đan sâm (<i>Radix et Rhizoma Salviae miltiorrhizae</i>) 0,45 g; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 0,45 g; Bá tử nhân (<i>Semen Platycladi orientalis</i>) 0,9 g; Bạch linh (<i>Poria</i>) 0,45 g; Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>) 0,45 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 3,6 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 0,9 g; Thiên môn đông (Rễ) (<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>) 0,9 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,45 g; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 0,45 g; Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>) 0,45 g.	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 30 g; túi PE 15 g viên hoàn cứng.	V113 3-H12-10	01

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3

(Đ/c: Số 16 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Nay là: Số 16 Lê Đại Hành, phường An Dương, thành phố Hải Phòng)

14.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3

(Đ/c: Số 28, đường 351, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Nay là: Số 28, đường 351, phường An Dương, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
21	Camsott dy.TW3	Mỗi viên nang cứng chứa Bột kép hỗn hợp dược liệu 532 mg tương đương: Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 112 mg; Khương hoạt (<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>) 84 mg; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae</i>) 56 mg; Thương truật (<i>Rhizoma Atractylodis</i>) 56 mg; Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 56 mg; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae</i>) 56 mg; Hoàng cầm (<i>Radix Scutellariae</i>) 56 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 28 mg; Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>) 28 mg.	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên.	VD-33171-19	01